TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 575/2018/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 17 năm 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự số 924/2018/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu 01: Bà Trần Thị Thanh Đ, sinh năm 1986;

- Người yêu cầu 02: Ông Bùi Anh Đ1, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: tổ 40, khu phố 4, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trần Thị Thanh Đ và ông Bùi Anh Đ1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh Đ và ông Bùi Anh Đ1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Nam K, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2014 .

Giao cháu K cho bà Trần Thị Thanh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bùi Anh Đ1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động.

Ông Bùi Anh Đ1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Bà Trần Thị Thanh Đ và ông Bùi Anh Đ1 mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 006707 ngày 11 tháng 4 năm 2018, bà Đ và ông Đ1 đã nộp đủ tiền lệ phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP.B;
- THA DS TP.B;
- UBND P. B1, TP.B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Thị Thu Minh